TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2020/QĐST-HNGĐ	*V, ngày 02 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 164/2019/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 12 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị T, sinh năm 1987

Bị đơn: Anh D, sinh năm 1978

Đều có HKTT: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu B, sinh ngày 18/7/2019. Cháu P, sinh ngày 05/10/2009. Cháu C, sinh ngày 16/11/2014. Cháu B, cháu P và cháu C là con của chị T và anh D. Người giám hộ cho cháu B, cháu P và cháu C là chị T và anh D.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Khoản 1 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21/02/2020 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về tình cảm vợ chồng: Chị T và anh D thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh D có ba con chung, anh chị thỏa thuận: Giao cháu P, sinh ngày 05/10/2009 và cháu C, sinh ngày 16/11/2014 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu B, sinh ngày 18/7/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị T tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu P và cháu C cho anh D hàng tháng, số tiền là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho mỗi cháu. Thời điểm đóng góp cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 3 năm 2020 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức và ruộng nông nghiệp: Chị T và anh D đều thống nhất tự nguyện không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T chịu cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000313 ngày 09 tháng 12 năm 2019, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự
- Viện kiểm sát huyện V
- Chi cục THA huyện V
- UBND thị trấn N
- Lưu Hs vụ án

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thơm